

Bài tập về thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn

Thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn nghe có vẻ giống nhau nhưng cách dùng lại khác biệt rõ ràng, khiến nhiều bạn dễ nhầm trong lúc làm bài. Cùng khám phá kho **bài tập về thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn** kèm đáp án chi tiết được **ELSA Speak** tổng hợp ngay sau đây!

Bài tập 1: Chia dạng đúng của động từ trong ngoặc.....	2
Bài tập 2: Chọn đáp án đúng (Trắc nghiệm).....	3
Bài tập 3: Tìm và sửa lỗi sai trong câu.....	6
Bài tập 4: Viết lại câu hoàn chỉnh dựa trên từ gợi ý.....	7
Bài tập 5: Điền vào chỗ trống để hoàn thành đoạn văn (Nâng cao).....	8

Bài tập 1: Chia dạng đúng của động từ trong ngoặc

Đề bài: Chia động từ trong ngoặc ở dạng hiện tại đơn hoặc hiện tại tiếp diễn cho phù hợp.

1. My brother usually (read) a book before bedtime.
2. Look! The children (play) in the garden now.
3. She (not/go) to school on Sundays.
4. What time the film (start) tonight?
5. I (work) on a very important project this week.
6. The Earth (revolve) around the Sun.
7. Why you (wear) a coat? It's very hot today.
8. My parents (visit) their grandparents every month.
9. He (not/study) for his exam at the moment.
10. ... they (listen) to the radio now?
11. We always (have) breakfast at 7 a.m.
12. Be quiet! The baby (sleep) in the next room.
13. How often ... your father (water) the plants?
14. They (build) a new hospital downtown. They only started last month.

Đáp án bài tập 1

Câu - Đáp án	Câu - Đáp án
1. reads	8. visit
2. are playing	9. is not studying / isn't studying
3. does not go / doesn't go	10. Are ... listening
4. does ... start	11. have
5. am working	12. is sleeping
6. revolves	13. does ... water
7. are ... wearing	14. are building

Đáp án bài tập 1

Bài tập 2: Chọn đáp án đúng (Trắc nghiệm)

Đề bài: Chọn đáp án đúng nhất để hoàn thành mỗi câu dưới đây.

1. He usually ... coffee in the morning.
A. drink
B. is drinking
C. drinks
D. are drinking
2. Where's Tom? - He ... a shower right now.
A. take
B. is taking
C. takes
D. taking
3. Water ... at 100 degrees Celsius.
A. is boiling
B. boils
C. boil
D. is going to boil
4. I ... not like pop music very much.
A. am
B. is
C. do
D. does
5. Look The sun It's so beautiful.
A. sets
B. is setting
C. set
D. is going to set
6. What ... you ... this weekend
A. do do
B. are doing
C. is doing
D. does do
7. The train to London ... at 630 p.m. every day.
A. leaves
B. is leaving
C. leave
D. are leaving
8. I ... a new word every day to improve my vocabulary.
A. learning
B. am learning
C. learn
D. is learning
9. Shh ... the teacher ...
A. Is talking
B. Does talk
C. Are talking
D. Is talk
10. These days, more and more people ... online.
A. shop
B. shops
C. are shopping
D. is shopping
11. ... your brother ... to the gym regularly
A. Is go
B. Does go
C. Do goes
D. Are going
12. We ... for a short trip next month. Đây là một kế hoạch đã định sẵn
A. go
B. went
C. are going
D. is going

Đáp án bài tập 2

Câu	Đáp án	Giải thích
1	A. drinks	Có dấu hiệu usually (thường xuyên) diễn tả thói quen - Hiện tại đơn
2	B. is taking	Hành động đang diễn ra tại thời điểm nói - Hiện tại tiếp diễn, có dấu hiệu right now
3	B. boils	Sự thật hiển nhiên - Hiện tại đơn
4	C. do	Phủ định Hiện tại đơn với chủ ngữ 'I'
5	B. is setting	Hành động đang xảy ra trước mắt - Hiện tại tiếp diễn, có dấu hiệu 'Look!'
6	B. are/doing	Dấu hiệu "this weekend" diễn tả một kế hoạch, dự định chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai gần - Hiện tại tiếp diễn
7	A. leaves	Tàu chạy lúc 6:30 tối là một lịch trình cố định (thời gian biểu). Dù là tương lai vẫn dùng hiện tại đơn
8	C. learn	Có dấu hiệu "every day" diễn tả một hành động lặp lại mỗi ngày - Hiện tại đơn
9	A. Is/talking	Hành động đang diễn ra, có dấu hiệu 'Shh!' - Hiện tại tiếp diễn
10	C. are shopping	Dấu hiệu "These days" kết hợp với "more and more" diễn tả một xu hướng đang thay đổi hoặc phát triển → Hiện tại tiếp diễn
11	B. Does/go	Hỏi về tần suất/thói quen - Hiện tại đơn
12	C. are going	Có dấu hiệu "regularly" (thường xuyên) hỏi về thói quen - Hiện tại đơn

Đáp án bài tập 2

Bài tập 3: Tìm và sửa lỗi sai trong câu

Đề bài: Tìm và sửa một lỗi sai về cách dùng thì trong mỗi câu.

1. She often is listening to classical music in the evening.
2. We don't understanding what the teacher says right now.
3. My father usually works in a bank, but he works from home this week.
4. The water is freezing at 0 degrees Celsius.
5. Do you study English lessons at the moment?
6. They are not travel to Europe every summer.

Đáp án bài tập 3

Câu	Lỗi sai - Sửa đúng	Giải thích
1. She often is listening to classical music in the evening.	is listening - listens	Dùng Hiện tại đơn cho thói quen (có often).
2. We don't understanding what the teacher says right now.	don't understanding - don't understand (hoặc are not understanding)	"Understand" là động từ chỉ nhận thức (Stative Verb). Không chia V-ing cho từ này dù trong câu có dấu hiệu "right now"
3. My father usually works in a bank, but he works from home this week.	works - is working	Hành động tạm thời, chỉ xảy ra trong tuần này (có this week) - dùng hiện tại tiếp diễn.
4. The water is freezing at 0 degrees Celsius.	is freezing - freezes	Sự thật hiển nhiên - dùng hiện tại đơn.
5. Do you study English lessons at the moment?	Do và study - Are và studying	are not traveling - do not travel
6. They are not travel to Europe every summer.	are not travel - do not travel	Thói quen/sự kiện lặp lại, có every summer dùng hiện tại đơn. Câu phủ định của hiện tại đơn với chủ ngữ "They" phải mượn trợ động từ "do not"

Bảng đáp án bài tập tìm và sửa lỗi sai trong câu

Bài tập 4: Viết lại câu hoàn chỉnh dựa trên từ gợi ý

Đề bài: Sắp xếp và chia động từ để tạo thành câu hoàn chỉnh và có nghĩa.

1. I / usually / walk / to school / with / my friends.
2. Listen! / the birds / sing / outside / window.
3. Why / you / not / wear / your uniform / today / ?
4. It / often / rain / in / the / autumn / but / it / not / rain / now.
5. He / always / forget / his / keys / at / home. (Sử dụng 'always' để diễn tả sự than phiền)

Đáp án bài tập 4

Câu hoàn chỉnh	Ý nghĩa
1. I usually walk to school with my friends.	Tôi thường đi bộ đến trường cùng bạn bè.
2. Listen! The birds are singing outside the window.	Nghe kia! Những con chim đang hát ngoài cửa sổ.
3. Why are you not wearing your uniform today? (hoặc Why aren't you wearing...)	Sao hôm nay bạn không mặc đồng phục?
4. It often rains in the autumn but it is not raining now. (hoặc...isn't raining now.)	4. It often rains in the autumn, but it is not raining now. (hoặc...isn't raining now.)
5. He is always forgetting his keys at home.	Hắn lúc nào cũng quên chìa khóa ở nhà. (diễn tả sự than phiền)

Đáp án viết lại câu hoàn chỉnh dựa trên từ gợi ý

Bài tập 5: Điền vào chỗ trống để hoàn thành đoạn văn (Nâng cao)

Đề bài: Chia động từ trong ngoặc ở dạng hiện tại đơn hoặc hiện tại tiếp diễn phù hợp với ngữ cảnh.

My friend, Lisa, (1. **be**) ... an architect. She (2. **work**) ... for a big company downtown. She usually (3. **go**) ... to the office at 8 a.m., but this week she (4. **not/go**) ... to the office because she (5. **prepare**) ... for a major presentation at home. She (6. **need**) ... to finish it before Friday. Right now, she (7. **sit**) ... in her study and (8. **check**) ... the final details. She (9. **not/like**) ... working under pressure, but she (10. **know**) ... this project is important.

Đáp án bài tập 5

Câu	Đáp án	Giải thích
1	is	Sự thật/Nghề nghiệp - Hiện tại đơn
2	works	Công việc thường xuyên - Hiện tại đơn
3	goes	Thói quen - Hiện tại đơn, có usually)
4	is not going	Hành động tạm thời trong tuần này - Hiện tại tiếp diễn, có this week
5	is preparing	Hành động tạm thời đang diễn ra - Hiện tại tiếp diễn
6	needs	Sự cần thiết, trạng thái - Hiện tại đơn
7	is sitting	Hành động đang diễn ra tại thời điểm nói - Hiện tại tiếp diễn, có Right now
8	is checking	Hành động đang diễn ra song song - Hiện tại tiếp diễn
9	does not like	Động từ chỉ cảm xúc/sở thích (like) là một động từ trạng thái (Stative Verb), không dùng ở dạng tiếp diễn ngay cả khi nói về cảm xúc hiện tại - Hiện tại đơn
10	knows	Động từ chỉ nhận thức (know) là một động từ trạng thái (Stative Verb), chỉ được dùng ở thì Hiện tại đơn để chỉ trạng thái hiểu biết bền vững - Hiện tại đơn

Đáp án điền vào chỗ trống để hoàn thành đoạn văn